TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 213/2025/QĐST-HNGĐ	*Đà Nẵng, ngày 30 tháng 9 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 156/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2025 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con*" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

* Ông **Dương Hoàng T**, sinh năm 1996.

Căn cước công dân số: 048096004808 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 15/8/2021.

Nơi cư trú: Tổ 89 phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng nay là Tổ 89 phường A, thành phố Đà Nẵng.

* Bà **Võ Thị Thu T**, sinh năm 1995.

Căn cước công dân số: 048195005023 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 04/8/2022.

Nơi cư trú: K257/4C đường P, tổ 23 phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng nay là K257/4C đường P, tổ 23 phường H, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Dương Hoàng T và bà Võ Thị Thu T xây dựng gia đình với nhau năm 2016, hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng nay là phường A, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm sống, tính tình không hợp nên thường phát sinh cãi vã, nói năng không tôn trọng nhau, vợ chồng không cùng tiếng nói chung, sống không hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia

đình hoà giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn xảy ra nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, không ai có trách nhiệm với nhau. Nay ông Dương Hoàng T và bà Võ Thị Thu T xác định về tình cảm không còn thương yêu nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận sự thuận tình ly hôn.

[2] Về nuôi con chung: Ông Dương Hoàng T và bà Võ Thị Thu T xác định có 02 con chung là Dương Tuệ N, sinh ngày: 08/9/2016 và Dương Gia K, sinh ngày: 07/10/2021. Ly hôn ông Dương Hoàng T và bà Võ Thị Thu T thống nhất thỏa thuận giao cả hai con chung cho bà Võ Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Dương Hoàng T cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 5.000.000đồng (Năm triệu đồng). Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 10/2025 cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Ông Dương Hoàng T và bà Võ Thị Thu T xác định vợ chồng không có tài sản chung.

[4] Về các vấn đề khác: Ông Dương Hoàng T và bà Võ Thị Thu T xác định không có nợ chung.

Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đồng ông Dương Hoàng T và bà Võ Thị Thu T mỗi người phải chịu 150.000đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đồng đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, theo biên lai thu số 00002360 ngày 12/9/2025.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Dương Hoàng T và bà Võ Thị Thu T (Giấy chứng nhận kết hôn số 91, ngày 20/6/2016, tại Ủy ban nhân dân phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng nay là phường A, thành phố Đà Nẵng không còn giá trị pháp lý).

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Dương Hoàng T và bà Võ Thị Thu T việc nuôi con chung như sau:

Giao cả hai con chung Dương Tuệ N, sinh ngày: 08/9/2016 và Dương Gia K, sinh ngày: 07/10/2021 cho bà Võ Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi. Ông Dương Hoàng T cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 10/2025 cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Cả hai bên đương sự đều được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên

đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung: Ông Dương Hoàng T và bà Võ Thị Thu T xác định vợ chồng không có tài sản chung.

- Về các vấn đề khác: Ông Dương Hoàng T và bà Võ Thị Thu T xác định không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đồng ông Dương Hoàng T và bà Võ Thị Thu T mỗi người phải chịu 150.000đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đồng đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, theo biên lai thu số 00002360 ngày 12/9/2025.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 2 - Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;
- UBND phường A, thành phố Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Tô Thị Thy Tuyết